

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp.....	3
Nguyễn Duy Thụy	
2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra	10
Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc	
3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam.....	19
Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh	
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội	27
Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan	
5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam	37
Nguyễn Hoàng Yến	
6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận	46
Lê Đức Tâm	
7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang... ..	56
Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân	
8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang	64
Mai Văn Xuân, Đỗ Đoàn Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyền	
9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa	73
Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào	
10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa	81
Nguyễn Thị Thanh Xuyên	
11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk	90
Đinh Như Hoài	
12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay.....	99
Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung	
13. Biên chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế	107
Trần Mai Phương, Hồ Viết Hoàng	
14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.....	115
Trần Thị Hồng Hạnh	
15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802-1885).....	124
Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang	
16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX.....	135
Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại	
17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa.....	144
Phạm Ngọc Hiền	

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2025

The 18th Year

Contents

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**
Nguyen Duy Thuy
2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**
Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc
3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam..... **19**
Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh
4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi..... **27**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province..... **37**
Nguyen Hoang Yen
6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value..... **46**
Le Duc Tam
7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city **56**
Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van
8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province..... **64**
Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen
9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province..... **73**
Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao
10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization..... **81**
Nguyen Thi Thanh Xuyen
11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province..... **90**
Dinh Nhu Hoai
12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today **99**
Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung
13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city..... **107**
Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang
14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period..... **114**
Tran Thi Hong Hanh
15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) .. **124**
Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang
16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century..... **135**
Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai
17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine **144**
Pham Ngoc Hien

Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX

Nguyễn Đình Cơ

Trường đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh (Hutech)

Nguyễn Phương Đại

Đại học Sài Gòn

Email liên hệ: nd.co@hutech.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết nhằm phục dựng bức tranh người Việt, người Hoa và các cộng đồng cư dân khác đã cùng chung lưng đấu cật khai phá đất đai, lập làng xóm ở Đồng Nai từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu cho lập phủ Gia Định, vùng đất Đồng Nai trở thành một phần của lãnh thổ Đàng Trong với tên gọi Trấn Biên. Trấn Biên ở cuối thế kỷ XVII cho đến suốt thế kỷ XVIII là vùng đất trọng yếu nơi ghi dấu nhiều sự kiện trong quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ. Đầu thế kỷ XIX, Triều Nguyễn càng có sự quan tâm đặc biệt đến xứ Đồng Nai, coi đó là vùng đất trung hưng. Đến thời hoàng đế Minh Mạng (1820-1841), tỉnh Biên Hòa được thành lập, là 1 trong 30 tỉnh của Đại Nam.

Từ khóa: Biên Hòa, chúa Nguyễn, đầu thế kỷ XIX, thế kỷ XVII, Trấn Biên, Triều Nguyễn.

The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century.

Abstract: The article aims to restore the landscape of the Vietnamese, the Chinese, and other communities who worked hard together to reclaim and settle the land, establishing villages in Dong Nai from the 17th century to the first half of the 19th century. In the year of Mậu Dần (1698), Lord Nguyen Phuc Chu established Gia Dinh administrative division, officially incorporating Dong Nai into the southern territory (Dang Trong) of Vietnam under the name Tran Bien. From the late of the 17th century through the 18th century, Tran Bien was viewed as an crucial land that witnessed many events in the process of establishing and defending the sovereignty of the Nguyen Lords in southern Vietnam. In the early 19th century, the Nguyen Dynasty paid more attention to Dong Nai, considering it a land of revival. By the reign of Emperor Minh Mang (1820-1841), Bien Hoa province was established as one of the 30 provinces of Dai Nam.

Keywords: Bien Hoa, Lord Nguyen, early 19th century, 17th century, Tran Bien, Nguyen Dynasty.

Ngày nhận bài: 01/11/2024; **Ngày phản biện:** 14/11/2024; **Ngày duyệt đăng:** 10/2/2025

1. Đặt vấn đề

Giữa thế kỷ XVII, do mất mùa đói kém, lưu dân người Việt từ vùng Thuận Quảng tìm đến định cư ở xứ Đồng Nai, rồi từ đó lan tỏa khắp khu vực Đông Nam Bộ. Ở thế kỷ XVII-XVIII, Trấn Biên (Đồng Nai) là điểm khởi đầu giữ vị trí quan trọng trong chiến lược mở đất xuống Nam Bộ của chính quyền Đàng Trong. Trong cuộc chiến tranh giữa Tây Sơn – Chúa Nguyễn, Trấn Biên luôn là vị trí tranh chấp quyết liệt, ít nhiều đã tàn phá đi phần nào trung tâm định cư, cảng thị sầm uất ở cực Nam Đàng Trong trong hơn 1 thế kỷ. Đầu thế kỷ XIX, chính quyền nhà Nguyễn thiết lập 1 thiết chế thống nhất từ Bắc đến Nam, Trấn Biên (sau là tỉnh Biên Hòa) càng được triều đình đặc biệt quan tâm, củng cố, mở rộng.

2. Biên Hòa – Đồng Nai ở thế kỷ XVII-XVIII

Đồng Nai (1) là một vùng đất cổ, nơi có dấu tích con người định cư từ rất sớm. Khoảng 2.500 năm cách ngày nay (khoảng thế kỷ V trước Công nguyên), cư dân cổ Đồng Nai bước vào một nền văn hoá kim khí phát triển. Trên cơ sở kinh tế xã hội có bước phát triển, ở thế kỷ đầu công nguyên những vương quốc sơ kỳ đã được hình thành ở khu vực Đồng Nai – Đông Nam Bộ, trong đó tiêu biểu là vương quốc cổ Phù Nam (địa bàn chính ở khu vực Nam Bộ hiện nay). Thế kỷ VII, vương quốc cổ Phù Nam suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, Chân Lạp (Chenla) vốn là thuộc quốc của Phù

Nam đã tấn công và thôn tính đất đai của vương quốc này (trong đó có vùng đất nay là Nam bộ). Tuy nhiên do đặc tính cư trú và sản xuất không phù hợp nên trong suốt 10 thế kỷ (thế kỷ VII cho tới thế kỷ XVI), vùng đất Nam bộ về cơ bản vẫn là một vùng đất rất hoang sơ, chưa được mở mang, khai phá nhiều. Ngay trong giai đoạn đỉnh cao của thời đại Ăngco huy hoàng (thế kỷ XIII), theo mô tả của Chu Đạt Quan một sứ thần nhà Nguyên được cử sang giao thiệp với Chân Lạp (năm 1296), thì: *"Bắt đầu vào Chân Bô (vùng biển Vũng Tàu ngày nay), gần hết cả vùng đều là bụi rậm của rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chảy dài hàng trăm dặm, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú sum suê. Khắp nơi vang tiếng chim hót và tiếng thú kêu. Vào nửa đường trong sông, thấy những cánh đồng hoang không có một gốc cây. Xa nửa tầm mắt chỉ thấy toàn cỏ cây đầy rẫy. Hàng trăm, hàng nghìn trâu rừng tụ họp từng bầy. Tiếp đó nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm dặm"* (Chu Đạt Quan 2006, 80). Đến thế kỷ XVII, vùng đất này càng trở nên hoang vu hơn do sự suy yếu của chính quyền Chân Lạp. Sự bất ổn trong nội bộ khiến cho triều đình Chân Lạp không thể với tay cai quản vùng đất Thủy Chân Lạp (tương ứng với Nam bộ ngày nay). Ở thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn đã ghi lại rằng: *"Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các biển Cần giờ, Lôi Lạp, Cửa Đại, cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm"* (Lê Quý Đôn 2007, 243). Rõ ràng, Nam Bộ là một vùng đất được quản lý lỏng lẻo trước khi cư dân người Việt đặt chân đến khai phá. Ở vùng đất nay là Đồng Nai cũng không ngoại lệ, cảnh rừng rậm hoang dã càng trở nên phổ biến hơn.

Đến giữa thế kỷ XVII, bằng nhiều con đường khác nhau, chủ yếu là theo đường biển, lưu dân người Việt từ vùng Thuận Quảng đã đặt chân lên vùng đất Mô Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai từ đó tỏa đi khai khẩn đất đai, lập làng xóm khắp vùng đất Đông Nam Bộ rồi tiến xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long phì nhiêu. *"Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy có dân nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất"* (Trịnh Hoài Đức 2005, 109). Họ tích cực khai phá đất đai, vỡ đất làm ruộng, kết thành xóm làng, tạo tiền đề cho quá trình nhà nước xác lập chủ quyền sau này.

Giữa thế kỷ XVII, chính quyền chúa Nguyễn cũng đẩy mạnh kế hoạch Nam tiến. Song song với việc mở mang vùng đất Nam Trung bộ để mở rộng xứ Thuận - Quảng, vùng đất Đồng Nai cũng nằm trong tầm ngắm của các chúa Nguyễn.

Theo biên niên sử Campuchia thì vào năm 1620, một cuộc hôn nhân giữa Chey Chettha II và con gái chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) đã được tổ chức, như là cái bắt tay về mặt chính trị giữa Chân Lạp và Đàng Trong. Adhemard Leclere cho biết: Chey Chettha II lên ngôi đã cưới một cô công chúa của vua An Nam và được vị vua này giúp đỡ để chống lại sự đe dọa của Xiêm. Quan hệ bang giao giữa Đàng Trong và Chân Lạp được thiết lập (2). J.Morau cho biết thêm: Prea Chey-chessda lên ngôi...khi đó vua nước An Nam (thực ra là chúa Nguyễn) gả một người con gái cho nhà vua. Công chúa này rất đẹp, được nhà vua sủng ái và đưa lên ngôi hoàng hậu với tước hiệu Sompdach-prea-peaccac-vodey-prea-voreac-khsatthey (3). Cuộc hôn nhân giữa Chey Chettha II với con gái chúa Nguyễn Phúc Nguyên và sự thiết lập liên minh quân sự giữa Chân Lạp - Đàng Trong được Cristophoro Bori (sống tại thị trấn Nước Mặn, Bình Định từ năm 1618 đến 1622) ghi lại trong hồi ký của mình: *"chúa Nguyễn phải lo việc tập trận và gửi quân sang giúp vua Campuchia - cũng là chàng rể lấy người con gái của chúa. Chúa viện trợ cho nhà vua cả tàu thuyền lẫn binh lính để chống lại vua Xiêm"* (Cristophoro Bori 2014, 84). Các nhà nghiên cứu của Việt Nam trên cơ sở truy tìm tông tích bà công nữ trở thành hoàng hậu của Chân Lạp và khẳng định đó chính là Ngọc Vạn: chúa Sãi có 4 người con gái hai nàng Ngọc Liên và Ngọc Đảnh thì chép rõ sự tích, chồng con, còn hai nàng Ngọc Khoa và Ngọc Vạn thì chép "khuyết truyện" (4). Theo Phan Khoang thì: *"bà Hoàng hậu này đã mang theo nhiều người Việt đến, nhiều người được giữ chức vụ cao trong triều, bà lại lập một xưởng thợ và nhiều nhà buôn bán gần kinh đô"* (Phan Khoang 2001, 310). Năm 1623, chúa Nguyễn cử một phái bộ đến Oudong yêu cầu được lập 2 sở thu thuế ở Prei Noko (Chợ Lớn) và Kas Krobei (Bến Nghé - Sài Gòn), và một khu dinh điền ở Mô Xoài đồng thời cử quan quân đến đây trấn giữ (5). Theo Henri Russier: Các đại sứ từ Huế, mang theo rất nhiều món quà, đã đến Oudong, nơi nhà vua cư ngụ. Họ xin phép vua Chân Lạp cho chính quyền Đàng Trong đưa nông dân và thương nhân đến định cư trong khu vực mà ngày nay là Sài Gòn, lúc đó là cuối phía nam của Chân

Lập. Hoàng hậu tha thiết xin chồng rằng yêu cầu của đồng bào phải được đón nhận và nhà vua Chey Chettha II cuối cùng đã nhượng bộ (6). Về vị trí cụ thể của 2 trạm thu thuế hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất hoàn toàn trong giới nghiên cứu, nhưng một điều chắc chắn đó là 2 địa điểm trên bến dưới thuyền, thuận lợi cho việc buôn bán của người Việt (7), và cũng từ đây người Việt cũng dễ dàng trong việc theo đường thủy để tỏa đi khắp vùng đất Đồng Nai.

Đến cuối thế kỷ XVII, thế lực của chúa Nguyễn ở vùng Đồng Nai đã được củng cố vững chắc, hỗ trợ đắc lực cho lưu dân người Việt đến định cư và khai thác vùng đất này. Về số lượng người Việt nhập cư vào Đồng Nai ở thế kỷ XVII chưa thấy tài liệu nào thống kê, nhưng chắc chắn số lượng đó không phải là nhỏ. Địa điểm dừng chân của họ đầu tiên là Mũi Xuy (Mô Xoài – Bà Rịa). Đây là địa đầu vùng đất mới nằm trên trục giao thông đường bộ từ Bình Thuận vào, giáp biển, nằm giữa mũi Thùy Vân ở phía Nam và mũi Bà Kết ở phía Bắc và vùng vịnh biển mang tên Ô Trạm (đây là một vùng rộng lớn từ Long Hương, Phước Lễ, Đất Đỏ ngày nay). Theo một số tư liệu nơi đây từ những thập niên đầu thế kỷ XVII, người Việt đã đến đây làm ăn sinh sống theo sự thỏa thuận giữa chính quyền chúa Nguyễn và Chân Lạp (Đỗ Bá Nghiệp 2000, 93)

Không chỉ lưu dân người Việt, Đồng Nai cũng thu hút một lực lượng đông đảo người Hoa đến đây định cư. Không kể những người Hoa di cư tự phát và đơn lẻ đến Nam Bộ, cuộc di cư của nhóm Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên vào năm Kỷ Mùi (1679) là cuộc di dân có tổ chức đầu tiên. Theo tác giả *Gia Định Thành thông chí* thì vào năm 1679 có một đội quân gồm 2 lực lượng “phản Thanh phục Minh” sau khi thất bại trong việc chống lại nhà Thanh đã giong thuyền chạy xuống biển phía Nam và đặt chân tới vùng đất do chúa Nguyễn cai quản. Sau một thời gian đình nghị chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) quyết định cho người hướng dẫn 2 nhóm người Hoa đến định cư ở Mỹ Tho và Biên Hòa (Trịnh Hoài Đức 2005, 20-21). Những tác phẩm sau đa phần đều đồng thuận (đúng hơn là tham khảo) ý kiến của Trịnh Hoài Đức, như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*... năm 1679 sau khi thất bại trong mục tiêu tái chiếm thành Long Môn, Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên đã dẫn theo tàn binh của mình chạy sang Đàng Trong (cửa Đà Nẵng, cửa Tư Hiền) xin chúa Nguyễn cho tá túc (với ý định tìm một chỗ lánh nạn chờ thời). Mục tiêu ban đầu của Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên khi sang Đại Việt vẫn nuôi tham vọng “phản Thanh phục Minh”, tìm một vùng đất chờ thời. Triều thần chúa Nguyễn đình nghị quyết định cho 2 nhóm vào đất Giản Phố (Gia Định) lúc bấy giờ thuộc Chân Lạp, đồng thời gửi thư yêu cầu vua Chân Lạp (phó vương Nặc Nộn) cấp đất cho nhóm quân tướng Long Môn này đóng quân. Việc làm này của chúa Nguyễn Phúc Tần là một mũi tên trúng 3 đích: thứ nhất được tiếng nhân nghĩa giúp kẻ cùng đường, thứ hai là đưa được lực lượng quân tướng Long Môn (vốn có gốc hải tặc) ra xa trung tâm Chính dinh, cuối cùng là tận dụng được lực lượng lưu dân người Hoa giàu tiềm lực vào công cuộc khai phá vùng đất Gia Định. Thực tế đã chứng minh quyết định của chúa Nguyễn Phúc Tần là chính xác, đã đặt những viên gạch đầu tiên cho quá trình mở mang vùng đất Nam Bộ còn hoang vu, để đến năm Mậu Dần (1698) Lễ Thành hầu vào kinh dinh vùng đất mới, lập ra Gia Định, Đồng Nai (8). Cuối thế kỷ XVII, Trần Thượng Xuyên đến định cư ở vùng Bàn Lân (trung tâm của Biên Hòa hiện nay) sau đó dời ra vùng Cù Lao Phố (cách chừng 5 km). Khi Trần Thượng Xuyên đến vùng đất Đồng Nai nói chung và Cù Lao Phố nói riêng đã được hình thành, lưu dân người Khmer, người Việt, người Hoa đã định cư, khai phá đất đai và bước đầu lập nên những thôn ấp ở đây. Với kinh nghiệm của một thương nhân (và cướp biển) đã lặn lộn khắp vùng Nam Trung Hoa và hạ lưu sông Mekong, Trần Thượng Xuyên đã chiêu tập thêm dân lưu tán từ các nơi tập trung đến vùng ngã ba sông Cù Lao Phố, xây dựng nơi đây thành một đô thị sầm uất ở đầu thế kỷ XVIII. Trịnh Hoài Đức ghi chép lại như sau: “*Họ lo mở mang đất đai, lập thành phố chợ, giao thông buôn bán. Tàu thuyền người Hoa, người Phương Tây, người Nhật, người Đồ Bà (Chà Và) tụ tập tấp nập, phong hóa Trung Quốc dần dần lan ra thấm đượm cả vùng Đông Phố.*” (Trịnh Hoài Đức 2005, 110). Phan Khoang cũng cho biết: Ở Biên Hòa, Trần Thượng Xuyên tập trung Hoa thương ở Cù Lao phố, ở giữa sông Nông Nãi (sông Đồng Nai), phía Nam tỉnh lỵ Biên Hòa ngày nay. Cù Lao phố có người Âu Châu, người Nhật, người Mã Lai, người Tàu... đến mua bán ngày càng phát triển, phồn thịnh, trở thành trung tâm điểm thương nghiệp của xứ Nam kỳ cho đến ngày Tây Sơn vào chiếm (Phan Khoang 2001, 316).

Dựa vào ghi chép từ các tài liệu có thể khái quát về quá trình khai phá vùng đất Đồng Nai của Trần Thượng Xuyên như sau:

Trước khi nhóm người Hoa tới vùng đất Đồng Nai đã có nhiều lưu dân người Việt định cư khai phá đất đai lập làng xóm ở đây. Thế kỉ XVII, do áp lực của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, do thiên tai mất mùa, đời sống khó khăn, những lưu dân người Việt từ phía bắc Đàng Trong bằng đường biển di cư vào vùng đất Nam Bộ. Họ đi theo nhiều phương thức khác nhau (có thể đi cả gia đình, họ hàng, hoặc đi từng nhóm nhỏ đi trước rồi đón gia đình sau). Có người đi thuyền cập bến vùng đất Phương Nam ngay, cũng có những người đi theo từng chặng (bằng cả đường bộ và đường biển), tiến dần vào vùng đất nay thuộc Nam Bộ. Người Việt vào đây thì đã có những bộ phận cư dân người Khmer, người Chăm và một số cư dân các tộc người Nam Đảo định cư ở đây từ trước. Các thành phần cư dân nơi đây đã cùng hiệp sức với nhau để khai phá vùng đất mới. Sẽ là đơn giản nếu chúng ta hoàn toàn dựa vào nhận xét của Trịnh Hoài Đức: *"Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác, không tranh chấp điều gì"* (Trịnh Hoài Đức 2005, 109), để khẳng định việc người Việt khai khẩn và xác lập vị thế của mình ở vùng đất Đồng Nai (và cả Gia Định) diễn ra một cách nhẹ nhàng, êm thấm. Chắc chắn từ vị trí là một lực lượng lưu dân nhỏ bé (chiếm thiểu số) trở thành một lực lượng đông đảo giữ vai trò nòng cốt ở vùng đất mới phải là một quá trình đấu tranh bền bỉ, cần đến sự cần cù, chịu khó và đoàn kết của những người Việt.

Cuối thế kỷ XVII, lực lượng người Hoa của Trần Thượng Xuyên được sự sắp xếp của chúa Nguyễn vào cửa Cần Giờ đến định cư ở Bàn Lân (trung tâm của thành phố Biên Hòa hiện nay). Những người Hoa đến đây khi các cộng đồng cư dân khác đã định cư trước và khai khẩn vùng đất này. Trần Thượng Xuyên đã có công chiêu tập các lưu dân ở đây lại để đẩy mạnh công cuộc khai phá, mở rộng vùng đất Đồng Nai, biến nơi đây trở thành một vùng đất đô hội ở phương Nam. Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết: *"Bọn họ mở đất lập phố, đất ấy ngày một đông đúc"* (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006, 91).

Thời điểm đã đứng vững ở Đồng Nai (vào những năm cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII), Trần Thượng Xuyên một mặt củng cố vùng đất đã khai phá được, mặt khác tiếp tục chiêu tập lưu dân khai phá mở rộng thêm những vùng đất mới. Ông cho chuyển trụ sở của mình từ vùng Bàn Lân sang Cù Lao Phố, một nơi thuận tiện cho hoạt động giao thông và trao đổi hàng hóa. Cù Lao Phố nằm ở vị trí một cảng sông sâu trong nội địa (cách biển khoảng 100 km), bao bọc bởi con sông Đồng Nai. Đặc điểm thuận lợi đó đã khiến vùng đất này trở thành một cảng thị, trung tâm thương mại phát triển từ sớm. Cũng phải nói thêm rằng Cù Lao Phố là một hải cảng buôn bán tương đối mở, thương nhân các nước được tự do đến đây trao đổi hàng hóa, mở thương điểm. Từ Cù Lao Phố dấu chân của Trần Thượng Xuyên in dấu khắp vùng đất Đồng Nai và Đông Nam Bộ. Thời điểm này ông cũng lập nên một số đồn sở thu thuế dọc theo sông Đồng Nai, đồn Tân Mỹ (Tân Uyên, Bình Dương ngày nay) là tiêu biểu (sau này chính là nơi yên nghỉ của Trần Thượng Xuyên).

Mùa xuân năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất phương Nam. Nguyễn Hữu Cảnh lấy đất Nông Nại đặt phủ Gia Định, Lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên (ly sở nay là thôn Phước Lu). Mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để điều hành. *"Ngàn dặm đất đai, dân hơn 4 vạn hộ, chiêu mộ lưu dân từ châu Bố Chính đến lập nghiệp, lập ra thôn xã, phường ấp, phân định địa giới, ruộng đất, lập ra tô thuế, xây dựng đình điện hộ tịch."* Đối với con cháu người Hoa thì lập xã Thanh Hà (ở Trấn Biên) và xã Minh Hương ở Phiên Trấn *"rời cho phép vào hộ tịch"* (Trịnh Hoài Đức 2005, 112). Với sự kiện này vùng đất Trấn Biên (Đồng Nai) chính thức trở thành một đơn vị hành chính của chính quyền Đàng Trong. Theo ghi chép của bộ sử nhà Nguyễn lúc này lưu dân người Việt ở vùng Đồng Nai - Gia Định có 4 vạn hộ (khoảng hơn 200.000 người). Khi mới thành lập dinh Trấn Biên quản 1 huyện là Phước Long gồm 4 tổng Tân Chánh (sau đổi thành Phước Chánh), Bình An, Long Thành, Phước An (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002, 111).

Trấn Biên vốn là nơi tập trung nhiều sản vật, thu hút thương nhân của các nước đến thu mua. Theo Trịnh Hoài Đức: huyện Phước Chánh thuộc trấn Biên Hòa sản xuất đường cát, đường phèn, đường phổi, mỗi năm bán cho thương thuyền hơn 600.000 cân; sắt sản xuất ở huyện Long

Thành; đá ong ở trấn Biên Hòa cũng rất nhiều, khi đất còn ướt người thợ đào ra, tùy theo yêu cầu rộng dài như thế nào, mà chặt ra thành khối, sau đó để phơi nắng lâu ngày cho cứng lại; muối trắng sản xuất ở vùng Vũng Dương, thuộc huyện Phước An, cứ 100 cân giá 1 tiền kẽm, rất rẻ; lãnh là vải lụa thì nơi nào cũng có nhưng huyện Phước An trấn Biên Hòa có thứ lãnh thâm, mềm láng là tốt nhất xứ (Trịnh Hoài Đức 2005, 196-198).

Với nguồn sản vật phong phú, điều kiện thuận lợi, Cù Lao phổ nhanh chóng vươn lên trở thành một cảng thị sầm uất bậc nhất vùng Nam Bộ từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII: thương nhân tụ họp đông đảo, ghe thuyền đậu liên tiếp. Các thương nhân đến Cù Lao phổ để thu mua các sản vật của vùng, rồi từ đó bán ra khắp các xứ từ miệt dưới Mỗi Xuy, Gia Định, lên miệt trên bao gồm các vùng hữu ngạn, tả ngạn sông Đồng Nai và sang cả Chân Lạp. Hoạt động thu mua hàng hóa của các thương nhân đã hình thành nên các tụ điểm buôn bán, các chợ được thành lập rải rác khắp Trấn Biên: ở phía trên thượng nguồn có chợ Cá (Bình Thảo), chợ Bàng Bọt (tổng Bình Chánh), ... miệt dưới có chợ Bà Lịa (Long Thạnh), chợ Bình Quý (huyện Bình An), ... (Huỳnh Ngọc Trảng 2012, 102). Không chỉ thu mua hàng hóa tại chỗ, thương nhân tập trung đến Cù Lao phổ vì nơi đây là một cảng trung chuyển quan trọng, hàng hóa ở các nơi *"trăm thứ hàng hóa đều dồn về đây"* (Trịnh Hoài Đức 2005, 202). Cũng theo Trịnh Hoài Đức, Cù Lao Phổ có *"phố xá, mái ngói tường vôi, lầu quán cao ngất, dòng sông rực rỡ, ánh nhật huy hoàng, liên nhau tới 5 dặm chia làm 3 đường phố, đường phố lớn lát đá trắng, đường phố ngang lát đá ong, đường phố nhỏ lát đá xanh, toàn thể đường bằng phẳng như đá mài, kẻ buôn tụ tập, thuyền đi biển, đi sông đều đến cuốn buồm neo đậu, đầu đuôi thuyền đậu kế tiếp nhau, thật là một chỗ đô hội"* (Trịnh Hoài Đức 2005, 238). Với sự phát triển của đô thị Cù Lao Phổ, ở cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, Trấn Biên trở thành trung tâm của vùng đất Nam Bộ. Đây là nơi trú đóng những đội quân của triều đình để bảo vệ Trấn Biên, Phiên Trấn (Đông Nam Bộ hiện nay) và tạo bàn đạp để mở rộng xuống vùng đất ở hạ lưu sông Mekong. Năm 1699, vua Chân Lạp là Nặc Thu đắp lũy Gò Vách, Nam Vang và Cầu Nôm, rồi cướp bóc dân buôn. Tướng Long Môn Trấn Thượng Xuyên đang đóng giữ ở Trấn Biên báo lên. Tháng 11, Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (9) đem quân vào Nam đóng ở Cù Lao Phổ, điều động lưu thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Hữu Khánh và quân tướng Long Môn của Trấn Thượng Xuyên kéo sang thành Nam Vang dẹp yên được tình hình (Trịnh Hoài Đức 2005, 244).

Đầu thế kỷ XVIII, Cù Lao phổ đã trở thành một thương cảng lớn, một trung tâm thương mại quan trọng của chính quyền Đàng Trong nói chung cũng như vùng đất Nam Bộ nói riêng. Hoạt động thương mại ở đô thị Cù Lao phổ bị suy yếu dần sau cuộc nổi loạn của Lý Văn Quang vào năm 1747, đặc biệt là sau cuộc tấn công của phong trào Tây Sơn vào năm 1776 (10), đô thị này gần như bị tàn lụi.

3. Biên Hòa – Đồng Nai ở thế kỷ XIX

Năm 1802, sau khi đánh bại phong trào Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi lập ra vương triều Nguyễn. Nhà Nguyễn ra đời đã lập nên một thiết chế quản lý đất nước thống nhất từ Bắc tới Nam. Lúc đầu vùng đất Gia Định được chia thành các trấn thuộc Gia Định thành. *"Thành có nhiệm vụ trông coi các việc binh dân, thuế dịch, và hình án của năm trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên, đồng thời còn kiêm lãnh đạo từ xa thêm trấn Bình Thuận ở phía bắc. Phàm việc binh thì do thành chỉ huy, còn các việc thuế dịch, hình án khác thì các trấn tự sắp đặt"* (Trịnh Hoài Đức 2005, 120). Tháng 1, niên hiệu Gia Long thứ 7 (1808), dinh Trấn Biên được cải lại là trấn Biên Hòa, huyện được nâng thành phủ, nâng tổng thành huyện, lại đặt thêm tổng và phân chia giới hạn (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002, 717-718). Tháng 2 năm Gia Long thứ 15 (1816), dời lỵ sở về thôn Tân Lâm thuộc huyện Phước Chánh. Lúc này, Trấn Biên Hòa quản 1 phủ (Phước Long), 4 huyện (Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An), 8 tổng, 310 xã thôn, phường. Theo Trịnh Hoài Đức ở đầu thế kỷ XIX, địa bàn của Trấn Biên phía Đông giáp núi Thần Mẩu (Bình Thuận), lập ra trạm Thuận Biên, quanh co kéo dài đến phía Bắc là sách động của man núi. Phía Nam giáp trấn Phiên An, trên từ suối Bàng Bọt (Thủy Vọt) (11), qua Đức Giang (Thủ Đức), đến Bình Giang rồi quành về Tam Giang (Nhà Bè), thẳng xuống Cần Giờ rồi qua Thuyền Úc (Vũng Tàu), ra Thất Sơn (núi Gành Rái) lấy sông dài làm giới hạn. Bờ Bắc con sông là giới hạn của huyện Biên Hòa (Trịnh Hoài Đức 2005, 133). Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), triều đình tiến hành cuộc cải cách lớn về

hành chính, chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. Biên Hòa được đổi thành tỉnh, quản 1 phủ (Phước Long) và 3 huyện như trước đây. Địa giới tỉnh Biên Hòa được Quốc sử quán nhà Nguyễn miêu tả như sau: “Đồng tây cách nhau 228 dặm, Nam Bắc cách nhau 124 dặm, phía Đông đến địa giới tỉnh Bình Thuận 148 dặm, phía Tây đến địa giới tỉnh Gia Định 37 dặm, phía bắc đến sơn man đến địa bàn tỉnh Bình Thuận 87 dặm, phía Đông Nam đến địa giới tỉnh Gia Định 120 dặm, phía Đông Nam đến địa giới tỉnh Bình Thuận 160 dặm, phía Đông Bắc đến địa giới tỉnh Gia Định 37 dặm, phía Tây Bắc đến địa giới tỉnh Bình Thuận 110 dặm. Từ tỉnh lỵ đi về phía Bắc đến Kinh 1.740 dặm” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006, 39).

Tuy nhiên cho đến đầu thế kỷ XIX, cư dân ở Biên Hòa chủ yếu tập trung ở vào những dải đất cao ven Phúc Long Giang (sông Đồng Nai), còn nhiều vùng rừng núi, bình nguyên rừng còn chưa khai phá ít người đặt chân tới. Như ở Xuân Lộc, đến cuối thế kỷ XIX, vẫn là “vùng đất hoang vu với những cánh rừng bạt ngàn đầy muông thú. Đó đây chỉ có những buôn sóc của đồng bào dân tộc Châu ro, Stiêng sống rải rác bên các khe suối nhỏ” (Ban Tuyên giáo tỉnh Đồng Nai 1984, 11). Có thể thấy Đồng Nai là địa bàn cư trú của nhiều tộc người: ngoài người Việt, người Hoa, còn có các dân tộc ít người khác, như: người Châu ro, người Stiêng, người Mạ, người Chăm. Trong đó người Việt là đa số trong thành phần cư dân sống rải rác khắp các tổng huyện. Thời kỳ này nhà Nguyễn đã chia dân cư thành 3 loại dựa theo nguồn gốc tộc người: thuộc về Chánh hộ là người Việt, thuộc về Khách hộ là người Hoa, thuộc về Man hộ là các tộc người Châu ro, Stiêng, Mạ, Chăm... (Đỗ Bá Nghiệp 2000, 131).

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà Nguyễn lập một đoàn kinh lược sứ đi thanh tra đo đạc đất đai ở các tỉnh Nam Kỳ. Đoàn gồm những vị trọng thần của triều đình như: Binh bộ thượng thư cơ mật đại thần Trương Đăng Quế và Lại bộ thượng thư Trần Kim Bảng sung làm Kinh lược Đại sứ (sau đó Trần Kim Bảng bị bệnh, Trần tây Đại tướng quân Trương Minh Giảng thay thế). Ngoài ra còn có Thự Lễ bộ Hữu thị lang Tôn Thất Bạch và Thự thông Chính sứ Nguyễn Đắc Trí sung làm Phó sứ (Quốc sử quán Triều Nguyễn 2007, tập 4, 902-903). Sau cuộc kinh lý, địa bạ được lập. Biên Hòa là 1 trong 30 tỉnh của Đại Nam. Khi ấy Biên Hòa có 282 xã thôn được lập địa bạ, 3 xã thôn mới được bổ túc thêm, tổng là 285 xã thôn. Tuy nhiên theo nghiên cứu của Nguyễn Đình Đầu, có thêm 20 xã thôn bị thiếu do bị mất địa bạ, nên thời điểm này ít nhất tỉnh Biên Hòa đã có 305 xã thôn đã lập địa bạ (Nguyễn Đình Đầu 1994, 124).

Đến năm Minh Mạng thứ 18 (1837), triều đình đặt thêm phủ Phước Tuy, nguyên trước là đất 3 huyện: Phúc Long, Long An, Phúc Khánh, được tách đặt ra, kiêm lý huyện Phúc An, thống hạt hai huyện Long Thành và Long Khánh, lĩnh 2 huyện Long Thành và Long Khánh, một huyện tính nhiếp và 3 bang người Hoa (Nguyễn Văn Siêu 2001, 280). Đến năm 1838, nhà Nguyễn cho đặt thêm huyện Phước Bình ở vùng rừng núi của tỉnh Biên Hòa (Bình Phước hiện nay). Theo ghi chép của Quốc sử quán Triều Nguyễn: năm Minh Mạng thứ 19 (1838) Triều đình trích lấy 1 tổng Chánh Mỹ Hạ và các sách man 3 thủ Bình Lợi, Định Quan, Phước Vĩnh, chia lập 4 tổng, Phước Thành, Bình Sơn, Bình Tuy, Bình Cách, đặt tên huyện như hiện nay, do phủ Phú Long [phải là phủ Phước Long] thống hạt (Quốc sử quán Triều Nguyễn 2006, 43). Ở thập niên 40 của thế kỷ XIX, ở phía Tây Bắc huyện Phước Bình (thuộc tỉnh Bình Phước hiện nay), Triều đình đã thiết lập được 81 sách quản lý và thu thuế 409 dân đinh sống lâu đời ở vùng rừng núi tỉnh Biên Hòa, với dân số khoảng 2000 người.

Như vậy đến giữa thế kỷ XIX, địa giới của tỉnh Biên Hòa về cơ bản đã ổn định, bao trùm cả tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương và một phần của thành phố Thủ Đức của thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

4. Kết luận

Xứ Đồng Nai ở thế kỷ XVII-XVIII là địa điểm đầu tiên người Việt từ Thuận Quảng đặt chân đến trên con đường tiến xuống khai phá vùng đất Nam Bộ. Từ Đồng Nai và Mô Xoài (Bà Rịa), người Việt đã lan tỏa tới các khu vực khác của Gia Định (Đông Nam Bộ) và tiến dần xuống khu vực đồng bằng sông Cửu Long màu mỡ, trù phú. Không chỉ với lưu dân người Việt, Đồng Nai cũng là một trong những nơi tụ cư ban đầu của người Hoa ở Nam Bộ. Đến khi chính quyền Đàng Trong thiết lập đơn vị hành chính đầu tiên ở phía Nam, Trấn Biên là 1 trong hai trấn của phủ Gia Định, hạt nhân cho sự

hình thành nên vùng đất Nam Bộ sau này. Cuối thế kỷ XVIII, Đồng Nai trở thành chiến trường của cuộc tranh chấp giữa Tây Sơn-Nguyễn Ánh, rồi cuộc nổi loạn của Lý Văn Quang. Vùng đất này hoang tàn bởi chiến tranh, thành quả khai phá xây dựng của hơn 1 thế kỷ trước bị tàn phá đi nhiều.

Đầu thế kỷ XIX, Đồng Nai được khôi phục trở lại cùng với quá trình trung hưng của nhà Nguyễn. Trấn Biên tiếp tục thu hút nhiều cộng đồng cư dân đến khai phá, lập làng xóm. Sau cuộc cải hành chính của vua Minh Mạng (1832-1833), Biên Hòa trở thành 1 tỉnh thuộc Nam Kỳ lục tỉnh với diện tích rộng lớn bao trùm cả tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước, Bình Dương và một phần thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Từ Trấn Biên ở cuối thế kỷ XVII đến tỉnh Biên Hòa ở giữa thế kỷ XIX, là thành quả từ biết bao nhiêu mồ hôi, xương máu của các cộng đồng cư dân Đồng Nai đã đổ xuống qua nhiều thế kỷ trên mảnh đất này.

Chú thích:

(1) Về tên gọi Đồng Nai (全狔) có nhiều giả thuyết khác nhau: Lê Quý Đôn trong “Phủ Biên tạp lục” (cuối thế kỷ XVIII) có nhắc đến Đồng Nai (同狔), ông xem vùng đất này lúc là một xứ, lúc lại bao gồm cả Nam Bộ (tr.160-244). Trịnh Hoài Đức trong “Gia Định thành thông chí” (đầu thế kỷ XIX) cũng cho rằng Đồng Nai là tên của trấn Biên Hòa. Sở dĩ Trấn Biên mang danh đó vì xưa kia nơi này có nhiều hươu nai, còn được gọi là Lộc dã. Ngoài ra Trịnh Hoài Đức cũng cho rằng: Đồng Nai còn được xem như một tên khác của xứ Gia Định, trải dài đến tận miền Tây (tr.70-71). Trong “Từ điển An Nam – La Tinh” (Dictionarium Anamitico Latinum – 1772), Pigneaux de Béhaine giải thích mục “Đồng nai” là Provincia Concicinæ, có nghĩa “Tỉnh thuộc Đàng Trong” (Pigneaux de Béhaine 1772). Các giáo sĩ Phương Tây tới Việt Nam ở thế kỷ XVI-XIX đa phần đều theo quan điểm này của Pigneaux de Béhaine khi giải thích về địa danh “Đồng Nai”. Bình Nguyên Lộc và Jean Marcel Boulbet cho rằng “đồng” sinh ra từ âm “đờng” trong “đạ đờng”, là từ chỉ “sông lớn” của người Mạ. Riêng từ “nai”, cụ Lộc nghĩ rằng do lưu vực sông có nhiều nai, Boulbet lại nghĩ nó sinh ra từ “ning” tiếng Mạ vốn chỉ “bờ dốc đứng” (dẫn theo: Trần Vy, 2021). Lê Trung Hoa trong “Địa danh học Việt Nam” cũng đồng thuận quan điểm “Đồng Nai” là từ “cánh đồng có nhiều con nai” Ông bổ sung thêm địa danh này xuất hiện dưới hình thức chữ quốc ngữ lần đầu tiên trong một báo cáo của giáo hội Thiên Chúa vào năm 1747 dưới dạng “Doūnai”; xuất hiện bằng chữ Nôm và chữ quốc ngữ vào năm 1772 trong “Từ điển An Nam – La tinh” của Giám mục Bá Đa Lộc (Lê Trung Hoa 2006: 269-270),

(2) “*Chey-Choettha, à peine sur le trône du Cambodge, avait épousé, en 1620, une princesse d'Annam que le roi de ce pays lui avait envoyée. Il l'avait élevée à la dignité de reine sous le titre de sâmdach phéakavotey préah srey vor khsatrey (bhagavati brhat cri vara kshatryi). Cette princesse, qui était très belle sut si bien se faire aimer du roi et se faire écouter que c'est de son arrivée la cour qu'il faut dater les relations qui s'établirent entre les rois d'Annam et de Cambodge.*” (A.Leclere 1914: 339)

(3) “*En 1618, au mois de mars, Prea-Chey-chesda fut couronné sous le nom de Somdach-prea-chey-chesda-thireach-reamea-thupphdey-ba-rommopit. Il éleva Prea-outey, son frère, à la dignité d'obbarach. En cetemps-là, le roi d'Annam donna une de ses filles en mariage au roi du Cambodge. Cette princesse était très belle; elle parvint à se faire aimer du roi, qui la fit reine sous le nom de Somdach-prea-peaccac-vodey-prea-voreac-khsattrey*” (J.Morau 1883: 57-58)

(4) Tuy nhiên tên của người Công nữ đó hiện nay vẫn có nhiều ý kiến tranh luận chưa thống nhất. Các bộ sử nhà Nguyễn không ghi chép, sự kiện này chủ yếu được biết đến qua biên niên sử Cao Miên. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là công nữ Ngọc Vạn, con gái thứ 3 của Nguyễn Phúc Nguyên. Thái Văn Kiểm (Thái Văn Kiểm 1960: 39-54): trên cơ sở phân tích các tài liệu biên niên sử Campuchia và Champa, đã ước đoán: chúa Sãi đã gả con gái lớn (Ngọc Vạn) cho vua Chân Lạp Chey Chettha II và công nữ Ngọc Khoa cho vua Chăm là Po Romé; Phan Khoang thì cho rằng có thể là Ngọc Vạn, hoặc Ngọc Khoa vì 2 công nữ này trong *Liệt truyện* chép khuyết truyện, nhưng vẫn nghiêng về Ngọc Vạn nhiều hơn (Phan Khoang 1967: 400-401); Trong công trình mới xuất bản: “Đàng Trong thời chúa Nguyễn kinh tế, văn hóa, xã hội”, Đỗ Bang cũng đồng thuận với quan điểm: Ngọc Vạn được gả cho Chey Chettha II; Nguyễn Đình Đầu trên cơ sở phân tích tư liệu của người Pháp và phán đoán cá nhân cho rằng: người con gái được gả cho vua Chân Lạp là con

một lưu dân người Việt ở Campuchia (Nguyễn Đình Đầu 1992: 45). Võ Vinh Quang thì cho rằng, công nữ Ngọc Vạn mất ở làng Dã Lê, hiện có bài vị thờ ở đó (Thừa Thiên - Huế) (Võ Vinh Quang 2018). Lê Nguyễn Lưu (2023) cũng cho rằng công nữ Ngọc Vạn được Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gả cho vua Chân Lạp Chey Chette II và cuối đời bà đã về nước, trú tại làng Dã Lê Chánh (nay thuộc xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế). Michael Arthur Aung-Thwin, Kenneth R. Hall cho là thuyết về người công nữ của chúa Sãi tên là Ngọc Vạn gả cho vua Cao Miên mới chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX, là sự sai sót của các nhà sử học Campuchia (Michael Arthur, Aung-Thwin, Kenneth R. Hall 2011: 157-166).

(5) Ở Đồng Nai hiện nay còn một ngôi chùa do Tổ sư Nguyên Thiều lập nên vào cuối thế kỷ XVII (khoảng năm 1695-1698), khi phục dựng có một tháp mộ thờ công nữ Ngọc Vạn và ghi chép về công trạng của bà, đó là Tổ đình Kim Cang ở xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu. Chắc chắn sẽ khó có chuyện bà Ngọc Vạn nếu thực sự được gả cho vua Campuchia sau đó lại yên nghỉ tại vùng đất Đồng Nai, tuy nhiên điều này cho thấy được vai trò của vùng đất này trong quá trình Nam tiến của các chúa Nguyễn ở thế kỷ XVII-XVIII.

(6) *"Dès 1623, des ambassadeurs venant de Hué et portant de riches présents arrivèrent à Oudong où résidait le roi : ils demandaient de la part du Seigneur du Sud l'autorisation d'installer des cultivateurs et des commerçants dans la région où se trouve aujourd'hui Saigon et qui constituait alors l'extrémité méridionale du Cambodge. La reine insista auprès de son mari pour que la demande de ses compatriotes fut bien accueillie et le roi Chey Chettah finit par céder: ce fut le premier empiètement des Annamites sur le territoire du Cambodge"* (Henri Russier 1914: 83-85).

(7) Theo các tác giả Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh: *"Sở thuế đó (Sài Gòn) tọa lạc trên đất chợ Cầu Kho (thuộc quận 1), ngay sát sông Sài Gòn cũ (mà Trịnh Hoài Đức ghi là sau đổi ra sông An Thông) tức rạch Bến Nghé nơi đầu đường Trần Đình Xu bây giờ... Đây xưa là kho Bốn trấn ở tại nên cũ kho Quản Thảo cách phía Nam thành 4 dặm rưỡi, năm Mậu Thân (1788) mở rộng thêm làm kho chung cho cả 4 trấn Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh và Định Tường để thu giữ thuế khóa, chỉ cấp lương bổng"* (Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình 1987: 47)

(8) Nhiều tư liệu gần đây (đặc biệt là những tư liệu nước ngoài) đã khẳng định thời điểm cuộc di cư lớn của người Hoa do Dương Ngạn Địch dẫn đầu vào Đàng Trong diễn ra vào thời điểm trễ hơn mốc năm 1679 (khoảng năm 1682). Tham khảo thêm: Li Tana (2015), "Epidemics, Trade and local Wooorship in Vietnam, Leizhou peninsula and Hainan island", được in trong Imperial China and Its Southern Neighbors/edited by Victor H. Mair and Liam C. Kelley. First published in Singapore in 2015 by ISEAS publishing Institute of Asian Studies; Brian A. Zottoli. (2011). Reconceptualizing Southern Vietnamese History from the 15th to 18th Centuries: Competition along the Coasts from Guangdong to Cambodia. USA: A dissertation submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of Doctor of History in The University of Michigan; Yoneo Ishii (1998), The Junk Trade from Southeast Asia: Translations from the (Tosen Fusetsu-gaki, 1674-1723), Institute of Southeast Asian Studies, Singapore; Robert J. Antony (2014), Violence and Predation on the Sino-Vietnamese Maritime Frontier, 1450-1850," Asia Major 27.2 (Fall), forthcoming 2014; Huỳnh Ngọc Đáng. (2006). Đòai điều trao đổi về nhân vật Trần Thượng Xuyên. Tập san Thông tin khoa học lịch sử, số 2/2006. Hội sử học Bình Dương, Nguyễn Đình Cơ.2021. Lịch sử hình thành cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII). Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số tháng 8/2021... Chúng tôi sẽ trở lại chủ đề này ở một bài khác.

(9) Năm 1700, Lễ Thành Hầu kéo quân về Sầm Giang (Rạch Gầm) thì mắc bệnh mất ở đây. Nhân dân Trấn Biên thương tiếc đã lập đền thờ ở phía Nam Cù Lao Phố, mặt trông ra Phước Giang (sông Đồng Nai).

(10) Tây Sơn cho rằng những người Hoa ở Cù Lao phố là cơ sở hậu cần quan trọng của Nguyễn Ánh nên đã tàn phá Cù Lao phố, "dỡ lấy hết nhà cửa, gạch đá của cải chở về Qui Nhơn" (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2006, tr.65)

(11) Thủ Dầu Một, Bình Dương hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- A. Leclerc (1914). *Histoire du Cambodge*. Bulletin de l'Ecole française d'Extrême - Orient. Paris.
- Aung-Thwin, M., & Hall, K. R. (Eds.). (2011). *New Perspectives on the History and Historiography of Southeast Asia* (p. 1). Routledge. London & New York.
- Ban Tuyên giáo tỉnh Đồng Nai (1984). *Xuân Lộc – Những chặng đường đấu tranh cách mạng vẻ vang*. Nxb Đồng Nai. Biên Hòa.
- Cristophoro Bori (2014). *Xứ Đàng Trong 1621*. Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích. Nxb TP Hồ Chí Minh.
- Chu Đạt Quan (2006). *Chân Lạp phong thổ kí*. Nxb Thế giới. Hà Nội.
- Đỗ Bá Nghiệp (chủ biên, 2000). *Địa chí Đồng Nai*. Tập 3. Biên Hòa
- Huỳnh Ngọc Trảng (2012). *Đặc khảo về văn hóa người Hoa ở Nam Bộ*. Nxb Văn hóa dân tộc. Hà Nội.
- J.Morau (1883). *Royaume de Cambodge*. Tome II. Ernest Leroux. Paris
- Lê Nguyễn Lưu (2023). Trở lại chuyện cô Công nữ Ngọc Khoa. *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 2 (184).
- Lê Quý Đôn (2007). *Phủ biên tạp lục*. Viện Sử học dịch. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Đình Cơ (2021). Lịch sử hình thành cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số tháng 8/2021
- Nguyễn Đình Đầu (1994). *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, tỉnh Biên Hòa*. Nxb. Tp Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đình Đầu (2016). *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang ở Nam Kỳ lục tỉnh*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Siêu (2001). *Phương Đình dư địa chí*. Nxb. Văn hoá thông tin. Hà Nội.
- Pigneaux de Béhaine (1772). *Dictionarium Anamitico-Latinum*. bản chép tay. Bản pdf: <http://bit.ly/3rYEmya>.
- Phan Khoang (2001). *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*. Nxb Văn học. Hà Nội
- Quốc sử quán Triều Nguyễn (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Nxb. Giáo dục. Hà Nội.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập 2,3,4,5. Nxb. Giáo dục. Hà Nội.
- Russier, H. (1914). *Histoire sommaire du royaume de Cambodge des origines à nos jours*. C. Ardin. Sai Gon.
- Thái Văn Kiểm (1960). *Đất Việt trời Nam*. Nguồn sống xuất bản. Sài Gòn.
- Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình (1987). *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Tp Hồ Chí Minh.
- Trịnh Hoài Đức (2005). *Gia Định Thành Thông Chí*. bản dịch của Lý Việt Dũng. Nxb Tổng Hợp Đồng Nai.
- Võ Vinh Quang (2018). *Tổng Sơn quận chúa Ngọc Vạn, Huyền Trân công chúa của đất phương Nam*. Truy xuất tại: Nghiencuuquocte.org, ngày 11/3/2018

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).
3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.
4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.; ...; n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan, ...).
6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận... (nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện, ... không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.
7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:
 - Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).
 - Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).
8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt trên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vùng Nam Trung Bộ⁽¹⁾. Cuối bài viết trình bày:

Chú thích:

(1) Vùng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.

+ Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 1(82), 3-10.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, 22(1), 14-31.

+ Đối với tài liệu là sách:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập.

Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ <https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm>, ngày 10/5/2024.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại <https://www.nber.org/papers/w32423>, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: tckhxmientrung@gmail.com

Lưu ý: Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: <https://isscr.vass.gov.vn> hoặc <https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index>

GIÁ: 30.000 đồng

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: tckhxmientrung@gmail.com